



BẢN TIN HỒ TIÊU VIỆT NAM

04-05
2020

Xuất khẩu Hồ tiêu 4 tháng đầu năm 2020 tăng 7,8%

Theo số liệu chính thức của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tính đến hết tháng 4/2020, Việt Nam xuất khẩu được 116.764 tấn Hồ tiêu các loại, kim ngạch xuất khẩu đạt 248,75 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2019, lượng xuất khẩu tăng 7,8%, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu lại giảm 12,1%.

4 tháng đầu năm 2020, khối lượng XK của các DN trong VPA tăng 7.797 tấn so với cùng kỳ, chiếm 70,9% tổng lượng XK Hồ tiêu VN. Trong đó đứng đầu là công ty Trần Châu với lượng XK đạt 11.124 tấn, chiếm 9,5%, tuy nhiên so cùng kỳ giảm 2.067 tấn. Tiếp theo là công ty Phúc Sinh: 9.393 tấn, chiếm 8,0% và tăng 1.440 tấn; Olam: 8.156 tấn, chiếm 6,9% và tăng 1.925 tấn; Nedspace: 5.593 tấn, chiếm 4,8% và tăng 681 tấn; Haprosimex JSC: 5.290 tấn, chiếm 4,5% và tăng 992 tấn so cùng kỳ. Một số DN XK khác cũng có lượng tăng như Sinh Lộc Phát, DK Commodity, Simexco, Harris Freeman, Unispice, Prosi Thăng Long, Phúc Thịnh, Phước Tấn, Song Hy Gia Lai,... lượng XK giảm ở Liên Thành, Hanfimec, Ottogi, Intimex Group,... Các DN XK tiêu hàng đầu bao gồm: Trần Châu: 1.339 tấn, Nedspace: 1.298 tấn, Olam: 1.281 tấn, Hoàng Gia Luân: 720 tấn, Liên Thành: 692 tấn, Phúc Sinh: 626 tấn. Khối các DN ngoài VPA XK chiếm 29,1%, đứng đầu là các DN/cá nhân: Lý Hoàng Sơn XK 7.028 tấn, Trần Huy Toàn XK 3.654 tấn, Hoàng Gia Luân XK 3.397 tấn,....

Nhập khẩu của châu Á giảm 1.254 tấn xuống còn 64.868 tấn nhưng vẫn là khu vực NK Hồ tiêu lớn nhất từ VN, chiếm 55,2%. Đứng đầu là Trung Quốc NK 26.266 tấn, chiếm 19,8% và giảm 2.635 tấn so cùng kỳ. Ấn Độ cũng là thị trường có

Bảng tổng hợp xuất khẩu Hồ tiêu 4 tháng năm 2020

Đơn vị: tấn, triệu USD, USD/tấn

4 tháng 2020		Tiểu đen			Tiểu trắng	
		Nguyên hạt	Nghiền	Xanh, ngâm giấm	Nguyên hạt	Nghiền
Số lượng	117.527	96.633	8.529	735	9.031	2.599
Giá trị	251,1	188,1	24,1	1,8	27,1	9,9
Giá XK	2.136	1.947	2.830	2.503	2.995	3.810

lượng NK giảm mạnh từ 10.102 tấn xuống còn 5.978 tấn, giảm 40,8%. Một số thị trường khác NK giảm bao gồm Iran giảm 736 tấn, Ả Rập giảm 592 tấn, Indonesia giảm 236 tấn,.... NK khẩu tăng mạnh ở Myanmar, tăng 3.346 tấn lên 4.117 tấn, Nepal tăng 1.500 tấn lên 3.826 tấn,....

Khu vực châu Mỹ NK tăng 2.622 tấn trong đó Mỹ tăng 2.144 tấn lên 19.758 tấn, chiếm 16,8% và là thị trường NK đứng thứ 2 của Hồ tiêu VN. Ở khu vực châu Âu, NK tăng 2.976 tấn lên 20.438 tấn chiếm 17,4%, đứng đầu là Đức NK 4.137 tấn, tăng 562 tấn. Tiếp theo là các thị trường Hà Lan, Nga, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ,.... NK Hà Lan giảm nhẹ 159 tấn. NK giảm mạnh nhất ở Ireland, giảm 1.791 tấn xuống còn 385 tấn. Khu vực châu Phi NK chiếm 8,9% tăng 2.986 tấn so cùng kỳ, đứng đầu là Ai Cập NK 4.932 tấn, tăng 2.141 tấn. Tiếp theo là Senegal NK 1.506 tấn, tăng 119 tấn.

Các nước đứng đầu NK tiểu trắng: Đức: 2.064 tấn, Mỹ: 1.923 tấn, Hà Lan: 1.197 tấn, Thái Lan: 762 tấn, Ả Rập: 411 tấn,....

So sánh 20 DN XK Hồ tiêu hàng đầu Việt Nam

Đơn vị: tấn

Stt	Doanh nghiệp	4 tháng 2019	2020			Tỷ lệ % 2020/2019
			Quý 1	Tháng 4	Tổng	
1	Pearl Corporation	13.191	8.801	2.323	11.124	-15,7
2	Phúc Sinh	7.953	6.381	3.012	9.393	18,1
3	Olam Việt Nam	6.231	5.207	2.949	8.156	30,9
4	Lý Hoàng Sơn	180	5.397	1.631	7.028	3.804,4
5	Nedspace Việt Nam	4.912	3.961	1.632	5.593	13,9
6	Haprosimex JSC	4.298	3.489	1.801	5.290	23,1
7	Trần Huy Toàn		1.112	2.542	3.654	100,0
8	Sinh Lộc Phát	3.026	2.301	1.168	3.469	14,6
9	DK Commodity	2.508	2.462	984	3.446	37,4
10	Hoàng Gia Luân	1.428	2.534	863	3.397	137,9
11	Liên Thành	4.075	2.636	379	3.015	-26,0
12	Simexco Đắk Lắk	1.584	1.715	778	2.493	57,4
13	Harris Freeman	1.731	1.517	637	2.154	24,4
14	Gia vị Sơn Hà	2.059	1.317	721	2.038	-1,0
15	Hanfimec Việt Nam	2.298	1.600	307	1.907	-17,0
16	Nam Thịnh Phát		736	1.151	1.887	100,0
17	Unispice Việt Nam	1.522	1.373	510	1.883	23,7
18	Prosi Thăng Long	891	1.301	573	1.874	110,3
19	Xuân Tinh		576	1.180	1.756	100,0
20	Phúc Lợi	1.451	1.308	347	1.655	14,1
	Khác	50.859	25.370	10.945	36.315	101,0
	Tổng	110.197	81.094	36.433	117.527	6,7

So sánh 20 TT NK Hồ tiêu hàng đầu

Đơn vị: tấn

Stt	Thị trường	4 tháng 2018	4 tháng 2019	4 tháng 2020	Tỷ lệ % 2020/2019
1	China	12.976	25.901	23.266	-10,2
2	America	14.306	17.615	19.759	12,2
3	India	9.268	10.102	5.978	-40,8
4	Pakistan	5.567	5.618	5.506	-2,0
5	Egypt	2.596	2.791	4.932	76,7
6	United Arab	4.462	4.967	4.375	-11,9
7	Germany	3.079	3.575	4.137	15,7
8	Myanmar	1.128	771	4.117	434,0
9	Nepal	1.638	2.326	3.826	64,5
10	Netherlands	2.401	2.753	2.594	-5,8
11	Thailand	1.931	2.119	2.475	16,8
12	Korea	1.827	2.463	2.411	-2,1
13	Russia	1.272	1.293	2.141	65,6
14	Philippine	1.596	2.110	1.999	-5,3
15	Saudi Arabia	1.624	1.407	1.873	33,1
16	England	1.251	1.529	1.833	19,9
17	Turkey	1.080	1.391	1.793	28,9
18	Senegal	794	1.387	1.506	8,6
19	Poland	570	822	1.429	73,8
20	Iran	1.122	2.140	1.404	-34,4
	Khác	16.548	17.117	20.173	17,9
	Tổng	87.036	110.197	117.527	6,7



Tình hình thị trường Hồ tiêu tháng 4-5/2020

Vụ thu hoạch Hồ tiêu tại các vùng trồng trọng điểm cơ bản đã kết thúc với tổng sản lượng được dự báo khoảng 250.000 tấn. Mức giảm sản lượng 15% so với năm 2019 được ước tính chưa đủ để giúp thị trường Hồ tiêu vực dậy trong thời gian tới khi cung vượt cầu ở mức cao và ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Trong khi đó, tình hình thời tiết cực đoan trong nước được cảnh báo. Tình trạng thiếu nước cục bộ gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt ở các tỉnh Tây Nguyên - thủ phủ của Hồ tiêu Việt Nam.

Tháng 4 đã cho thấy rõ hơn sự tác động của đại dịch Covid-19 khi 2 thị trường tiêu thụ Hồ tiêu lớn thế giới là Mỹ và châu Âu lần lượt ban bố tình trạng khẩn cấp và thực hiện lệnh phong tỏa. Điều đó giải thích cho sự sụt giảm 9,3% của lượng Hồ tiêu xuất khẩu trong tháng 4 bất chấp chiều hướng gia tăng từ một số thị trường khác như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ai Cập, v.v.

Giá tiêu đen nội địa tháng 4 được giao dịch ở mức trung bình 38.000 đồng/kg, giảm nhẹ so với với tháng 3. Tuy nhiên, dấu hiệu tích cực được ghi nhận trong tuần nửa đầu tháng 5 khi giá tăng nhẹ trở lại ở mức 40.000-41.000 đồng/kg. Nguyên nhân do thị trường Trung Quốc tiếp tục nhập khẩu mạnh trong tháng 4 với lượng nhập khẩu đạt 11.416 tấn, tăng 5,8% so với tháng 3. Đồng thời do mùa mưa đến trễ nên nông dân chưa cần tiền để đầu tư chăm sóc vụ mới và chỉ bán ra khi thực sự có nhu cầu chi tiêu.

Giá FOB tiêu đen 500 gr, 550 gr và tiêu trắng cũng cho thấy xu hướng tăng tương tự với giá trung bình lần lượt là 1.900 USD/tấn, 2.050 USD/tấn và 3.050 USD/tấn vào nửa đầu tháng 5. Sự chuyển động này có thể là do sự đóng góp của yếu tố đầu cơ trước luồng thông tin các thị trường sẽ tăng nhập khẩu trở lại sau khi dịch được kiểm soát và lệnh phong tỏa dần dỡ bỏ.

VPA

Top 10 DN xuất khẩu vào Trung Quốc

Stt	Doanh nghiệp	Trị giá (USD)	Số lượng (tấn)	Giá XK (USD/tấn)
1	Lý Hoàng Sơn	6.071.200	7.028	864
2	Trần Huy Toàn	2.831.853	3.310	856
3	Nam Thịnh Phát	3.446.376	1.759	1.959
4	Xuân Tinh	3.085.707	1.756	1.757
5	Olam Việt Nam	3.237.004	1.624	1.993
6	Ng. Thị Lan Phương	3.882.733	1.465	2.650
7	Tuấn Sơn	4.474.219	1.302	3.436
8	Vũ Đức Hoà	651.969	765	852
9	Quần Giang SB	1.344.816	747	1.800
10	An Nghiệp	959.448	496	1.934
	Khác	5.399.653	3.014	1.792
	Tổng	35.384.978	23.266	1.521

Top 10 DN xuất khẩu vào Mỹ

Stt	Doanh nghiệp	Trị giá (USD)	Số lượng (tấn)	Giá XK (USD/tấn)
1	Phúc Sinh	8.307.470	3.703	2.243
2	Olam Việt Nam	8.315.484	2.928	2.840
3	Nedspice Việt Nam	5.910.852	1.932	3.059
4	Haprosimex JSC	3.317.894	1.557	2.131
5	Sinh Lộc Phát	3.154.599	1.389	2.271
6	Harris Freeman	3.427.389	1.380	2.484
7	Gia vị Sơn Hà	3.622.221	1.342	2.699
8	Pearl Corporation	2.411.967	1.030	2.342
9	Liên Thành	1.932.334	760	2.543
10	DK Commodity	1.505.224	646	2.330
	Khác	7.528.184	3.092	2.435
	Tổng	49.433.618	19.759	2.502

Top 10 DN xuất khẩu vào Ấn Độ

Stt	Doanh nghiệp	Trị giá (USD)	Số lượng (tấn)	Giá XK (USD/tấn)
1	Pearl Corporation	3.153.098	1.491	2.115
2	Synthite Việt Nam	2.618.220	1.255	2.086
3	DK Commodity	1.859.230	860	2.162
4	Nhật Quang	1.133.536	517	2.193
5	Phúc Thịnh	799.575	332	2.408
6	Unispice	559.370	267	2.095
7	Phúc Sinh	366.645	191	1.920
8	Haprosimex JSC	230.470	109	2.114
9	Sinh Lộc Phát	221.860	108	2.054
10	An Huy B.T	213.390	102	2.092
	Khác	1.752.089	746	2.349
	Tổng	12.907.483	5.978	2.159

Top 10 DN xuất khẩu vào Đức

Stt	Doanh nghiệp	Trị giá (USD)	Số lượng (tấn)	Giá XK (USD/tấn)
1	Phúc Sinh	2.208.986	886	2.493
2	Haprosimex JSC	2.006.730	866	2.317
3	Liên Thành	1.153.100	402	2.868
4	Hoàng Gia Luân	1.074.358	396	2.713
5	Pearl Corporation	783.600	305	2.569
6	Olam Việt Nam	912.600	276	3.307
7	Simexco Đắk Lắk	615.425	230	2.676
8	Nedspice Việt Nam	498.433	155	3.216
9	Lâm Sơn	671.646	200	3.358
10	Unispice	271.810	92	2.954
	Khác	883.215	329	2.685
	Tổng	11.079.903	4.137	2.678



9 giải pháp về chính sách tài khóa để tái khởi động, phục hồi nền kinh tế

Sáng ngày 9/5, tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp đã gửi tới hàng chục kiến nghị, đề xuất, giải pháp. Một trong những kỳ vọng của doanh nghiệp là Chính phủ đẩy mạnh hơn nữa những biện pháp tài khóa để cộng đồng doanh nghiệp "cất cánh" sau dịch.



VCCI cho rằng việc giãn thời gian nộp thuế quyết định sự "sống còn" của DN

Theo khảo sát của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trong quý III có tới 55% doanh nghiệp (DN) duy trì quy mô sản xuất, 22% mở rộng và chỉ có 13% không duy trì được. Nhiều DN âm lợi nhuận, tạm ngừng sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân viên. Đây là những tin hiệu tích cực của cộng đồng DN.

Giãn thời gian nộp thuế quyết định sự "sống còn" của DN

Những biện pháp trợ giúp của Chính phủ là vô cùng quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, theo cộng đồng DN, thời gian tới, Chính phủ cần bổ sung các giải pháp miễn giảm các sắc thuế, kéo dài thời gian giãn, hoãn nợ thuế...

"Điều quan trọng nhất là cần thúc đẩy thực thi thật nhanh, hiệu quả và các cơ quan chức năng quan tâm đến các chính sách mà Chính phủ đã ban hành", VCCI nhấn mạnh và đưa ra nhiều giải pháp về chính sách tài khóa để tái khởi động nền kinh tế.

Theo VCCI, quy định việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập DN (TNDN), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và tiền thuế đất với thời gian tối đa là 5 tháng là chưa đủ, đề nghị kéo dài thời gian gia hạn lên 12 tháng.

Thực tế khảo sát DN cho thấy nếu dịch bệnh kéo dài hơn một năm thì 80% DN phải ngừng sản xuất, kinh doanh, khi đó việc giãn các thời hạn nộp thuế chưa có tác dụng hỗ trợ tích cực cho DN.

Ngoài chính sách giãn thời hạn nộp, nhiều DN cho rằng đây là giải pháp hiệu quả, thiết thực và cấp bách nhất đối với DN hiện nay. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Thân, Chủ tịch Hiệp hội DNNVV cho rằng Chính phủ nên cho phép miễn giảm 50% tiền thuế đất, 50% thuế GTGT, 50% thuế TNDN, tăng mức giảm trừ gia cảnh thu nhập cá nhân. Thời gian áp dụng đến cuối năm 2020.

Xem xét việc giãn thời hạn nộp thuế xuất khẩu đến cuối năm 2020 để tạo điều kiện cho DN có thêm nguồn vốn phục vụ hoạt động xuất khẩu. Xem xét hoàn thuế GTGT cho một số ngành bị ảnh hưởng nặng, trực tiếp bởi dịch Covid-19 như ngành hàng không, du lịch, vận tải...

Riêng đối với chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuế đất theo Nghị định 41/NĐ-CP, các DN đều bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 ở các mức độ khác nhau, vì vậy chính sách này nên được áp dụng cho tất cả các DN, kể cả các bệnh viện.

Ngoài ra, Chính phủ chấp thuận cho các DN được giảm 50% tiền thuế đất phải nộp trong 2 năm 2020 và 2021 nhằm hỗ trợ, vực dậy các DN vượt qua giai đoạn khó khăn này.

Giãn thuế giúp DN không phá sản

Đồng thời với việc cho phép chuyển lỗ cho 5 năm tiếp theo, VCCI đề nghị cho phép khấu trừ các khoản lỗ của năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 vào năm lợi nhuận của năm 2019. Điều này cho phép doanh nghiệp chỉ trả nộp thuế trong vòng 2 năm 2019-2020 và giúp tránh phá sản cho những doanh nghiệp có lợi nhuận trong năm 2019 nhưng lại thua lỗ nhiều trong năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Hầu hết các kiến nghị gửi đến Thủ tướng đều cho rằng đang tồn tại rất nhiều loại phí, lệ phí, giá liên quan đến hoạt động của DN. Trong đó, hiện nay, nhiều loại phí liên quan đến giao thông như giá BOT, phí cầu đường, bến bãi, phí lưu giữ phương tiện, thuế với nhiên liệu bay, phí giao thông đường bộ thu trên đầu phương tiện, giá dịch vụ hàng không, các loại phí trong đầu tư, xây dựng cơ bản... VCCI kiến nghị Bộ GTVT giảm giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa, giảm phí dịch vụ tại cảng để giảm chi phí lưu thông hàng hóa, góp phần hỗ trợ DN.

Việc không chế trần lãi vay là 30% cũng vẫn gây nhiều khó khăn cho DN. Vì vậy, cộng đồng DN cho rằng chỉ áp trần mức lãi vay đối với DN có giao dịch liên kết mà các giao dịch này không đúng bản chất thị trường, làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước. Còn đối với các DN có giao dịch liên kết nhưng đúng với bản chất thị trường, không làm giảm nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp với ngân sách nhà nước thì sẽ không bị áp dụng trần mức lãi vay.

Chính phủ sớm ban hành Nghị định cho thực hiện ngay việc hồi tố với chi phí lãi vay khi tính thuế trong 2 năm 2017 và 2018 và cho phép chuyển tiếp chi phí trong thời hạn 5 năm. Việc hồi tố và cho phép chuyển tiếp có đủ cơ sở pháp lý, bảo đảm lợi ích chính đáng của DN, góp phần củng cố niềm tin của cộng đồng DN vào sự đồng hành chia sẻ của các cơ quan Chính phủ với những khó khăn của DN, giúp DN duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Đối với các DN đã có khoản đóng góp, ủng hộ Chính phủ trong các hoạt động chống dịch Covid-19, các chi phí này nên xem xét được hạch toán vào chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế thu nhập DN. Đồng thời, các chi phí phát sinh trong phòng chống dịch cũng cần được khấu trừ khi tính thuế thu nhập DN.

Theo TBKD



Số liệu Hồ tiêu nhập khẩu

Đơn vị: tấn

Stt	Quốc gia	4 tháng 2019	2020				Tổng	Tỷ lệ % 2020/2019
			1	2	3	4		
1	Indonesia	9.009	758	754	756	1.409	3.677	40,8
2	Brazil	7.971	527	2.053	1.911	597	5.088	63,8
3	Cambodia *	1.120			179	952	1.131	101,0
4	Malaysia	147	132	57	16	26	231	157,1
5	Việt Nam **	493	50	64	54	19	187	37,9
6	Ecuador		27	80	27		134	100,0
7	China	14		39	24	11	74	528,6
8	India	97		57	4	5	66	68,0
9	Thái Lan		26			28	54	100,0
10	Singapore			17	33		50	100,0
	Khác	93	2	25	26	84	137	147,3
	Tổng	18.944	1.522	3.146	3.030	3.131	10.829	57,2

* : Nhập khẩu chính ngạch - **: Hàng xuất khẩu bị trả về

Các doanh nghiệp nhập khẩu Hồ tiêu

Đơn vị: tấn

Stt	Doanh nghiệp	4 tháng 2019	2020				Tổng	Tỷ lệ % 2020/2019
			1	2	3	4		
1	Olam Việt Nam	4.364	493	1.039	1.407	1.154	4.093	93,8
2	Harris Freeman	1.150	305	525	215	155	1.200	104,3
3	Nedspice Việt Nam	1.756	224	377	128	117	846	48,2
4	KSS Việt Nam	586	46	170	215	257	688	117,4
5	Vinh Hung	723	138	125	99	194	556	76,9
6	Gia vị Việt Nam	475		27	459	54	540	113,7
7	Sinh Lộc Phát	370	75	300	66		441	119,2
8	Hoàng Gia Luân	275		200	100		300	109,1
9	Thành Tùng	194	140			139	279	143,8
10	Unispice Việt Nam				51	203	254	100,0
11	Gia vị Sơn Hà	413	15	131	58	36	240	58,1
12	Simexco Đắk Lắk	25			125	100	225	900,0
13	Quỳnh Trung					200	200	100,0
14	Đức Long	87	28	73	16	56	173	198,9
15	Phúc Sinh	20			50	100	150	750,0
16	Liên Thành	200				100	100	50,0
17	DK Commodity			54			54	100,0
18	Phủ An					54	54	10,0
19	Gia vị Đồng Dương		25	25			50	100,0
20	Đồng Vương Gia Lai					50	50	100,0
	Khác	8.306	33	100	41	162	336	4,0
	Tổng	18.944	1.522	3.146	3.030	3.131	10.829	57,2